



# HUYỆN TIÊN LŨ

259 BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG



# BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG THỊ TRẦN VƯƠNG



## Mẹ NGUYỄN THỊ NỀN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1987  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị Trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/QĐ-CTN ngày 27-08-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đoàn Ngọc Hòa: Sinh năm 1939; hy sinh ngày 07-09-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OĐ 207<sup>b</sup> ngày 03-10-1974.

## Mẹ NGUYỄN THỊ TỈNH



Năm sinh: 1926; năm từ trần: 1998  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Số: Sinh năm 1928 nhập ngũ năm 1949; đơn vị tại ngũ Quân khu 3; hy sinh ngày 11-01-1951, tại La Tiến-Phù Cừ-Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1881<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Nguyễn Văn Tiếp: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 02-1964; hy sinh ngày 29-6-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 843<sup>b</sup> ngày 05-8-1972.

## Mẹ NGUYỄN THỊ NỤ



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1993  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Khu Tiên Xá Thị Trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Bồ Xuân Bắc: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 5-1951; đơn vị tại ngũ C59-D66-F42 Trung đoàn 42 Quân khu Tả Ngạn; hy sinh ngày 11-10-1953, tại Dốc Đá-Ba Hàng-TP Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1821<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.  
2. Liệt sĩ Bồ Xuân Cục (Cọc): Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 02-1961; đơn vị tại ngũ: KB; hy sinh ngày 06-06-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EL 440<sup>b</sup> ngày 05-04-1973.



**Mẹ BÙI THỊ GẶP**



Năm sinh: 1905 ; năm từ trần: 1988  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Khu Tiên Xá Thị Trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đoàn Ngọc Đăng: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ Đại đội 19; hy sinh ngày 22-01-1968, tại Khe Sanh-Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số NS 018<sup>b</sup> ngày 17-08-1974.
2. Liệt sĩ Đoàn Ngọc Tân: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 04-5-1968, tại Khe Sanh-Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 732<sup>b</sup> ngày 16-02-1970.

**Mẹ ĐOÀN THỊ THÁI**



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1975  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Quang Chiêm: Sinh năm 1912; hy sinh ngày 20-8-1950, tại Ân Thi-Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số TC 852<sup>c</sup> ngày 04-4-1979.
2. Liệt sĩ Trần Quang Thiêm: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 11-3-1951, tại Lương Bằng-Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 203<sup>b</sup>.

**Mẹ BÙI THỊ GÁI**



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1956  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị Trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Chồng là liệt sĩ Bồ Xuân Đính: Sinh năm 1903; nhập ngũ năm 1946; hy sinh năm 1947; Bằng Tổ quốc ghi công số LC 393<sup>b</sup> ngày 02-4-1974.

Có 1 con là liệt sĩ:

- Liệt sĩ Bồ Xuân Diệm: Sinh năm 1934; nhập ngũ năm 1960; đơn vị tại ngũ Lữ Đoàn 338; hy sinh ngày 23-4-1961, tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 581<sup>b</sup> ngày 11-11-1964.

# BÀ MẸ VIỆT NAM AN HÙNG XÃ AN VIÊN,



## Mẹ PHẠM THỊ KHUYẾN



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1981  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Ngoại: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 6-1968; đơn vị tại ngũ Lữ đoàn 08; hy sinh ngày 18-2-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KL 435<sup>b</sup> ngày 3-7-1976.

## Mẹ BÙI THỊ SẼM



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1973  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Duy: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 07-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 301<sup>b</sup> ngày 11-8-1976.

## Mẹ PHẠM THỊ NHIỄU



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1977  
Quê quán: Thôn An Xá, Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thôn An Xá, Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Sảm: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1952; hy sinh năm 1953, tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 10<sup>b</sup>.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ PHẠM THỊ BÍCH**



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1988  
Quê quán: Thôn Nội Thương, xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thôn Nội Thương, xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Minh Thăng: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ C1-D4-E88-F308; hy sinh ngày 19-3-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BK 137<sup>b</sup> ngày 27-01-1972.

**Mẹ NGUYỄN THỊ LÀ**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1990  
Quê quán: Thôn An Xá, xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thôn An Xá, xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng vào tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Chúc: Sinh năm 1929; nhập ngũ tháng 10-1948; hy sinh tháng 5-1954, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số HC 226<sup>b</sup>.

**Mẹ PHẠM THỊ THOÀN**



Năm sinh: \* ; năm từ trần: 1950  
Quê quán: Thôn An Xá, xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thôn An Xá, xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng vào tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Kim Cước: Sinh năm 1929; nhập ngũ ngày 12-11-1949; đơn vị tại ngũ F320; hy sinh ngày 25-2-1954, tại Thượng Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 362<sup>b</sup>.



**Mẹ TRẦN THỊ LINH**



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1986  
Quê quán: Huyện Phú Thọ, tỉnh Thái Bình.  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Hảo: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 5-1970; đơn vị tại ngũ C65-D164-K5; hy sinh ngày 31-7-1971, tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số GE 065<sup>b</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ**



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1993  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Cư: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 6-1968; đơn vị tại ngũ D31-F5; hy sinh ngày 10-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số UQ 907<sup>b</sup> ngày 1-4-1977.

**Mẹ PHẠM THỊ CÂU**



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1949  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Diệp: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1950; hy sinh năm 1953, tại xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ NGUYỄN THỊ SINH**



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1965  
Quê quán: Tỉnh Bắc Giang.  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Quốc Ái; nhập ngũ năm 1950; hy sinh năm 1952, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1395<sup>b</sup>.

**Mẹ LÊ THỊ KHUÔN**



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1932  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Kim Câu: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1950; đơn vị tại ngũ E42; hy sinh năm 1952, tại tỉnh Nam Hà.

**Mẹ CAO THỊ TÚ**



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1946  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 821 KT/CTN ngày 24-4-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Thị Thảo; nhập ngũ tháng 11-1947; đơn vị tại ngũ E42-KC3; hy sinh ngày 4-5-1951, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.





**Mẹ NGUYỄN THỊ HIỆN**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1930  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thụ: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1945; hy sinh năm 1949, tại huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 094<sup>b</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ TÂN**



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1971  
Quê quán: Huyện Kiến An, Thành phố Hải Phòng  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hồng Bi: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1970; hy sinh ngày 26-3-1971, tại Mặt trận phía Nam.

**Mẹ NGUYỄN THỊ CHÉN**



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thịnh: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1959; đơn vị tại ngũ NB; hy sinh năm 1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 344<sup>b</sup>.



**Mẹ PHÙNG THỊ DIẾP**



Năm sinh: 1913; năm tử trần: 2006  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đỗ Quang Hạp: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 12-6-1972, tại tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 623<sup>b</sup> ngày 28-10-2008.  
2. Liệt sĩ Đỗ Xuân Giàng: Sinh năm 1954; hy sinh ngày 16-6-1972, tại tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số NY 083<sup>b</sup>.

**Mẹ PHẠM THỊ CẦN**



Năm sinh: 1906; năm tử trần: 1958  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tự: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 01-1950; hy sinh tháng 02-1950, tại Cầu Lồ, tỉnh Bắc Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐY748<sup>kp</sup> ngày 28-4-1999.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Lai: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1961; đơn vị tại ngũ E82; hy sinh ngày 10-2-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 509<sup>b</sup> ngày 05-4-1977.

**Mẹ ĐOÀN THỊ LỆ**



Năm sinh: 1924; năm tử trần: 1989  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Cốc: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 9-3-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 854<sup>b</sup> ngày 22-2-1977.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Thịnh: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 06-3-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 37<sup>b</sup> ngày 15-4-1977.



### Mẹ LÊ THỊ TẠC



Năm sinh: 1906 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nghi: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 07-5-1954, tại thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 491<sup>b</sup> ngày 28-10-2008.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nga: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 11-7-1954, tại xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, Số bằng Tổ quốc ghi công số ĐY 807<sup>km</sup>.

### Mẹ PHẠM THỊ BIÊN



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1991  
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đỗ Văn Thụy: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ C11-D6- E148; hy sinh ngày 30-4-1969, tại phía Tây Thượng Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số MO 825<sup>bm</sup> ngày 12-02-2015.  
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Khoái: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 10-2-1965; đơn vị tại ngũ C310; hy sinh ngày 15-4-1972, tại Km 13, đường 20, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số HM 899<sup>om</sup> ngày 12-2-2015.



\* Chưa xác minh được thông tin



## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ CƯƠNG CHÍNH

**Mẹ PHẠM THỊ KIM**



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 1996  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Quang Trung; hy sinh ngày 05-4-1983; Bằng Tổ quốc ghi công số AA 821<sup>bt</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ ĐẠT**



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1962  
Quê quán: \*  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Doan: Sinh năm 1937; hy sinh ngày 05-3-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số AH 739<sup>b</sup> ngày 03-6-1971.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhật: Sinh năm 1948; đơn vị tại ngũ D9-E3-F3; hy sinh ngày 05-7-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VD 379<sup>b</sup> ngày 05-4-1977.

**Mẹ VŨ THỊ THƠM**



Năm sinh: 1920; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, tháng 8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Đình Việt: Sinh năm 1924; hy sinh ngày 15-3-1954, Đơn vị tại ngũ: F308; Bằng Tổ quốc ghi công số ZQ 1770<sup>b</sup> ngày 2-7-1959.



**Mẹ NGUYỄN THỊ GÁI**



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1984  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, tháng 8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Bè; hy sinh ngày 01-5-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XB 696<sup>k</sup> ngày 01-4-1959.

**Mẹ VŨ THỊ VŨNG**



Năm sinh : \* ; năm từ trần :\*  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, tháng 12-2008.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Lý: Sinh năm 1921; hy sinh ngày 7-11-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 992<sup>bp</sup> ngày 01-6-1959.

**Mẹ VŨ THỊ THỌ**



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 2015  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 7-11-1998.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lương Văn Minh; hy sinh ngày 17-5-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 776<sup>b</sup> ngày 07-3-1972.



**Mẹ NGUYỄN THỊ CÚC**



Năm sinh: 1905 ; năm từ trần: 1998  
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Bùi Ngọc Hòa: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 27-4-1975; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 938<sup>b</sup> ngày 22-1-1977.  
2. Liệt sĩ Bùi Gia Thụy: Sinh năm 1926; hy sinh tháng 1-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 434<sup>b</sup>.

**Mẹ TRẦN THỊ CÚC**



Năm sinh: 1921 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Chồng là liệt sĩ Bùi Văn Bí; hy sinh tháng 1-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 466<sup>b</sup> ngày 26-5-1960.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Hồng; hy sinh ngày 08-8-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 443<sup>b</sup> ngày 05-4-1971.

**Mẹ NGUYỄN THỊ MẮN**



Năm sinh: 1930 ; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Dân: Sinh năm 1949, đơn vị tại ngũ : E 1- KB; hy sinh ngày 23-9-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 286<sup>b</sup> ngày 03-7-1976.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Tịch: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970; đơn vị tại ngũ D 7-KB; hy sinh ngày 25-3-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 697<sup>b</sup> ngày 14-1-1977.



**Mẹ VŨ THỊ CẤY**



Năm sinh: 1912 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Vũ Gia Tạo: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 15-3-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 495<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Vũ Gia Tầm: Sinh năm 1940; hy sinh năm 1969; Bằng Tổ quốc ghi công số KT 678<sup>b</sup>.

**Mẹ BÙI THỊ CỐN**



Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1958  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Trần Văn Phiệt: Sinh năm 1926; hy sinh ngày 10-12-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 820<sup>b</sup> ngày 02-12-1958.  
2. Liệt sĩ Trần Thanh Nhân: Sinh năm 1937; hy sinh năm 1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng tổ quốc ghi công số KG 082<sup>b</sup>.

**Mẹ BÙI THỊ SÂN**



Năm sinh: 1880 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Văn Trụ; hy sinh ngày 19-12-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 155<sup>b</sup> ngày 23-4-1957.  
2. Liệt sĩ Vũ Văn Bảo; hy sinh ngày 01-3-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 465<sup>c</sup>.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ ĐÀO THỊ MÃI**



Năm sinh: 1923 ; năm từ trần: 2000  
Quê quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Tạ Văn Thạo, sinh năm 1947; hy sinh ngày 20-6-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 719<sup>b</sup> ngày 14-12-1976.
2. Liệt sĩ Tạ Văn Thanh: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 01-2-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số HS 138<sup>b</sup>.





# BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ DỊ CHẾ



## Mẹ TRẦN THỊ CÚC



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1980  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Triệu: Sinh năm 1934; nhập ngũ năm 1950; đơn vị tại ngũ bộ đội sông Luộc; hy sinh tháng 02-1951, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1116<sup>b</sup>.

## Mẹ CAO THỊ DỄO



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 2006  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, tháng 8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Dôi: Sinh năm 1942; hy sinh tháng 02-1972, tại Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số QN 082<sup>b</sup>.

## Mẹ LÊ THỊ DỪA



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1985  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Thành tích của Mẹ : Bằng khen số 1900-BKTg tháng 1/1965 về có công nuôi dưỡng cán bộ thời kỳ chống Pháp.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Nghiệp: Sinh năm 1928; hy sinh tháng 02-1968, tại Bình Phước; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 913<sup>b</sup> ngày 7-3-1972.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Quang Phát: Sinh năm 1929; nhập ngũ 1949; đơn vị tại ngũ Bộ đội sông Luộc; hy sinh tháng 5-1954, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số NC 183<sup>b</sup> ngày 24-2-1976.  
3. Liệt sĩ Nguyễn Thị Phấn: Sinh năm 1933; nhập ngũ năm 1949; đơn vị tại ngũ Ban Chỉ huy quân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; hy sinh tháng 5-1954, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 868<sup>k</sup> ngày 02-11-1959.



## Bà mẹ Việt Nam anh hùng xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ

### Mẹ LÊ THỊ NHÀÌ



Năm sinh: 1888; năm từ trần: 1968  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995 .  
Con độc nhất là liệt sĩ An Văn Hà: Sinh năm 1928; đơn vị tại ngũ Bộ đội sông Luộc; hy sinh tháng 2-1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1218<sup>b</sup>.

### Mẹ AN THỊ NHỰ



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1977  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, tháng 8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Nhân: Sinh năm 1920; đơn vị tại ngũ bộ đội sông Luộc; hy sinh tháng 10-1951, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 190<sup>b</sup>.

### Mẹ VŨ THỊ THUẦN



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1930  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thuật: Sinh năm 1930; đơn vị tại ngũ Bộ đội Sông Luộc; hy sinh năm 1954, tại tỉnh Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 108<sup>b</sup>.



**Mẹ TRẦN THỊ VI**



Năm sinh: 1898 ; năm từ trần: 1979  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Thùy: Sinh năm 1940, đơn vị tại ngũ E24, Biên Hòa, Đồng Nai; hy sinh ngày 10-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 183<sup>b</sup> ngày 01-3-1977.

**Mẹ AN THỊ THƯỜNG**



Năm sinh: 1876; năm từ trần: 1948  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Quang Định: Sinh năm 1928; đơn vị tại ngũ bộ đội Sông Luộc; hy sinh tháng 5-1950, tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 272<sup>bp</sup> ngày 08-11-2006.

**Mẹ ĐOÀN THỊ CHỮN**



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1987  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng vào tháng 8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quang Chính: Sinh năm 1930; đơn vị tại ngũ Bộ đội sông Luộc; hy sinh 11-11-1951, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1129<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.



**Mẹ NGUYỄN THỊ BẰNG**



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Xuân Đội: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ D10-E31-F2; hy sinh tháng 3-1968, tại Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 827<sup>b</sup> ngày 5-8-1972.  
2. Liệt sĩ Lê Xuân Phát: Sinh năm 1940; hy sinh tháng 1-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QĐ 974<sup>b</sup> ngày 26-11-1974.

**Mẹ VŨ THỊ DY**



Năm sinh: 1914 ; năm từ trần: 1990  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Đình Túy: Sinh năm 1945; đơn vị tại ngũ C5-D5-E4-F559; hy sinh tháng 4-1966, tại tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 917<sup>b</sup>/CL ngày 10-4-1968.  
2. Liệt sĩ Lê Văn Kỳ: Sinh năm 1948; đơn vị tại ngũ D2-319; hy sinh tháng 9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 7L 522<sup>b</sup> ngày 20-12-1978.

**Mẹ NGUYỄN THỊ ĐỐI**



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2008  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Chồng là liệt sĩ Đoàn Quang Chí: Sinh năm 1920; hy sinh tháng 1-1951, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC606<sup>c</sup> ngày 8-6-1970.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đoàn Quang An: Sinh năm 1947; hy sinh tháng 6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 242<sup>b</sup> /CL ngày 02-7-1975.



**Mẹ ĐOÀN THỊ LỬA**



Năm sinh: 1918; năm từ trần 2008  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Phường: Sinh năm 1939; hy sinh tháng 12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 992<sup>b</sup> ngày 23-12-1969  
2. Liệt sĩ Nguyễn Quang Tình: Sinh năm 1948; hy sinh tháng 2-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AR 174<sup>b</sup> ngày 3-6-1971.

**Mẹ BÙI THỊ NỞI**



Năm sinh: 1880; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Thành tích của Mẹ : Huân chương kháng chiến vì thành tích có nhiều con tham gia cách mạng.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Cao Văn Quýt: Sinh năm 1924; đơn vị tại ngũ bộ đội sông Luộc; hy sinh tháng 4-1952, tại Ý Yên-Hà Nam Ninh.  
2. Liệt sĩ Cao Xuân Đới: Sinh năm 1933; đơn vị tại ngũ bộ đội sông Luộc; hy sinh tháng 3-1951, tại huyện Ân Thi - tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4567<sup>b</sup> ngày 01-10-1959.

**Mẹ LƯƠNG THỊ TƯ**



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1959  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đào Văn Tranh: Sinh năm 1922; hy sinh tháng 1-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ1022<sup>b</sup>/CL ngày 01-6-1959  
2. Liệt sĩ Đào Văn Chấn: Sinh năm 1924; đơn vị tại ngũ bộ đội sông Luộc; hy sinh 11-1952, tại huyện Kim Động - tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 969<sup>b</sup> ngày 1-6-1959.



**Mẹ BÙI THỊ THAU**



Năm sinh: 1924; năm từ trần: 1998  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ An Đình Xuân: Sinh năm 1954; nhập ngũ 1973; hy sinh tháng 1-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QY 292<sup>b</sup> ngày 30-12-1985.  
2. Liệt sĩ An Văn Thơm: Sinh năm 1959; nhập ngũ 1979; hy sinh ngày 23-1-1979, tại Kiên Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số 9P886<sup>b</sup> ngày 27-5-1980.

**Mẹ LÊ THỊ THẠO**



Năm sinh: 1929  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 2-4-2014.  
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Nghiệp: Sinh năm 1928; hy sinh tháng 2-1968, tại Bình Phước; Bằng Tổ quốc ghi công số BH913<sup>b</sup> ngày 7-3-1972.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Hai.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hưng: Sinh năm 1949; hy sinh tháng 10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 726<sup>b</sup> ngày 7-5-1974.

**Mẹ HOÀNG THỊ THÀO**



Năm sinh: 1898 ; năm từ trần: 1985  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24/11/2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Trọng Hải: Sinh năm 1924; nhập ngũ 1945; đơn vị tại ngũ F34; hy sinh tháng 7-1950, tại Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1136<sup>b</sup> ngày 1-6-1959.  
2. Liệt sĩ Vũ Bé: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 8-1948; đơn vị tại ngũ D922-E46; hy sinh tháng 2-1951, tại Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 876<sup>b</sup> ngày 4-5-1959.



**Mẹ VŨ THỊ THIỀU**



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1997  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 02 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Công Ứng: Sinh năm 1944; nhập ngũ 1963; hy sinh tháng 7-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 609<sup>b</sup> ngày 18-5-1974.  
2. Liệt sĩ Vũ Đức Hình: Sinh năm 1952; nhập ngũ 1972; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 5 KB; hy sinh tháng 4-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OI 024<sup>b</sup> ngày 26-11-1974.

**Mẹ ĐOÀN THỊ SÔNG**



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1996  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Xuân Mỹ: Sinh năm 1939; hy sinh tháng 9-1967, tại huyện Kiến An, tỉnh Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 939<sup>b</sup> ngày 10-4-1968.  
2. Liệt sĩ Lê Xuân Lũn: Sinh năm 1950; đơn vị tại ngũ C3-D1-E27; hy sinh tháng 5-1970, tại Đông Hà- tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 791<sup>b</sup> ngày 7-5-1974.

**Mẹ NGUYỄN THỊ UẤN**



Năm sinh: 1918 ; năm từ trần: 2013  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Văn Ganh: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 8-1965; hy sinh tháng 10-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LE 901<sup>b</sup> ngày 16-5-1974.  
2. Liệt sĩ Trần Xuân Tiến: Sinh năm 1946; nhập ngũ 1966; đơn vị tại ngũ KBM; hy sinh tháng 2-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OV 701<sup>b</sup> ngày 11-4-1975.



**Mẹ TRẦN THỊ VIÊM**



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1989  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ An Văn Đổ: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1967; hy sinh tháng 6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 300<sup>b</sup> ngày 28-12-1973.  
2. Liệt sĩ An Trung Hiếu: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1967; đơn vị tại ngũ C1-D4-E270; hy sinh tháng 5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MA 245<sup>b</sup> ngày 16-2-1970.

**Mẹ TRẦN THỊ DIỆM**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1996  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2595/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Chồng là liệt sĩ Lê Văn Thiệu: Sinh năm 1907; hy sinh tháng 8-1953, tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 396<sup>kp</sup> ngày 8-11-2006  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Ganh: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1965; hy sinh tháng 5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QN 665<sup>b</sup> ngày 28-4-2000.

**Mẹ PHẠM THỊ ĐẦM**



Năm sinh: 1923  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 253/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Chồng là liệt sĩ Trần Đình Chuốt: Sinh năm 1923; nhập ngũ năm 1945; hy sinh tháng 3-1947, tại Quảng Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1390<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Vũ Đức Sinh: Sinh năm 1957; nhập ngũ năm 1974, đơn vị tại ngũ E24-F10-Quân đoàn 3; hy sinh tháng 12-1978, tại Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số 9G 929<sup>b</sup> ngày 19-12-1979.





**Mẹ BÙI THỊ GÁI**



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1947  
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lương Văn Mộc: Sinh năm 1933; đơn vị tại ngũ bộ đội sông Luộc; hy sinh tháng 2-1951, tại huyện Phù Cù-tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1204<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.  
2. Liệt sĩ Lương Ngọc Tuấn: Sinh năm 1938; đơn vị tại ngũ Sư đoàn 308B; hy sinh tháng 3-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LP 493<sup>b</sup> ngày 25-4-1974.

**Mẹ LƯƠNG THỊ NGỎI**



Năm sinh: 1895 ; năm từ trần: 1961  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ An Văn Thọ: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 2-1948; đơn vị tại ngũ CSC26-Sông Luộc; hy sinh tháng 6-1950, tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1017<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.  
2. Liệt sĩ An Văn Đệ: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 7- 1947; đơn vị tại ngũ D58-E50; hy sinh tháng 4-1953, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1978<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.

**Mẹ VŨ THỊ TẮT**



Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1959  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Quang Trọng: Sinh năm 1922; đơn vị tại ngũ bộ đội sông Luộc; hy sinh tháng 1-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 794<sup>b</sup> ngày 02-12-1958.  
2. Liệt sĩ Lê Quang Cầu: Sinh năm 1941; đơn vị tại ngũ E350; hy sinh tháng 02-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số UQ 883<sup>b</sup> ngày 01-4-1977.



**Mẹ NGUYỄN THỊ TÚC**



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Dị Chế huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Cội: Sinh năm 1930; nhập ngũ 1950; đơn vị tại ngũ Bộ đội sông Luộc; hy sinh tháng 5-1952, tại xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1226<sup>bp</sup> ngày 01-6-1959.

2. Liệt sĩ Vũ Văn Khối: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 10-1966; đơn vị tại ngũ D1-E141-F7; hy sinh tháng 2-1968, tại Thủ Dầu 1; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 353<sup>bm</sup> ngày 03-10-1972.

**Mẹ PHẠM THỊ VÂN \***



# BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ĐỨC THẮNG



**Mẹ NGUYỄN THỊ DỤT**



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1983  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thị Thu: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 15-7-1953, tại Bốt La Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

**Mẹ NGUYỄN THỊ ĐÈO**



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Côi: Sinh năm 1922; hy sinh năm 1953, tại xã Đức Thắng; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 029<sup>k</sup>.

**Mẹ PHẠM THỊ HẢO**



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1948  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Thịnh: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 19-12-1946, tại tỉnh Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ZQ 152<sup>b</sup> ngày 23-7-1957.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ LÊ THỊ CHÚC**



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1976  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là Nguyễn Văn Sản: Sinh năm 1946; nhập ngũ ngày 15-9-1965; hy sinh ngày 24-8-1968, tại huyện Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 852<sup>b</sup>.

**Mẹ BÙI THỊ GÁI**



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1946  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đoàn Hân: Sinh năm 1929; hy sinh tháng 11-1950, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 885<sup>b</sup> ngày 04-5-1959.

**Mẹ PHẠM THỊ NGHI**



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1946  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 281 KT/CTN ngày 24-4-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Cộng: Sinh năm 1924; hy sinh ngày 03-3-1953, tại tỉnh Hưng Yên.



**Mẹ NGUYỄN THỊ CÀI**



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 26-4-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Quốc Vân: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1967; hy sinh năm 1972, tại Mặt trận phía Nam.

**Mẹ NGUYỄN THỊ ẤT**



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đoàn Đình Dần: Sinh năm 1925; hy sinh tháng 12-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 610<sup>c</sup> ngày 08-6-1970.  
2. Liệt sĩ Đoàn Đình Mão: Sinh năm 1927; hy sinh ngày 24-11-1950, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3108<sup>b</sup> ngày 02-7-1959.

**Mẹ PHẠM THỊ ĐỆ**



Năm sinh: 1912  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đặng Văn Định, sinh tháng 7-1952; nhập ngũ tháng 4-1970, đơn vị tại ngũ K1-D4-F5-KB; hy sinh ngày 26-5-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LO 189<sup>b</sup> ngày 15-5-1974.  
2. Liệt sĩ Đặng Văn Tuất: Sinh năm 1958; nhập ngũ tháng 6-1977, đơn vị tại ngũ C7-D3-E229-Bộ Tư lệnh Công binh; hy sinh ngày 17-2-1979, tại Phú Xá, Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; Bằng Tổ quốc ghi công số 9G 873<sup>b</sup> ngày 19-12-1979.



**Mẹ BÙI THỊ NHỖ**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1996  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Viện: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 7-1968, đơn vị tại ngũ C2-KN; hy sinh ngày 01-4-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HS 088<sup>b</sup> ngày 30-10-1973.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Tiến: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 11-01-1973, tại Quảng trị; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 460<sup>b</sup> ngày 26-12-1973.

**Mẹ BÙI THỊ MÀI**



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2006  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đoàn Văn Thịnh: Sinh năm 1952; hy sinh tháng 04-4-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 36<sup>b</sup> ngày 15-4-1977.  
2. Liệt sĩ Đoàn Đình Bằng: Sinh năm 1954; hy sinh ngày 02-5-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PL 248<sup>b</sup> ngày 19-8-1975.

**Mẹ BÙI THỊ TỄO**



Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1958  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đặng Văn Vọng: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 04-3-1949, tại tỉnh Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 909<sup>b</sup> ngày 04-5-1959.  
2. Liệt sĩ Đặng Văn Vạn: Sinh năm 1939; hy sinh tháng 1-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VK 087<sup>b</sup> ngày 29-3-1977.



**Mẹ VŨ THỊ THUỘC**



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1991  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đặng Văn Tiểu: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 26-5-1949; hy sinh tháng 3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 128<sup>bp</sup> ngày 07-10-2003.  
2. Liệt sĩ Đặng Công Nhật: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 04-06-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LP 514<sup>b</sup> ngày 25-4-1973.

**Mẹ PHẠM THỊ THAO**



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1949  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Bùi Thị Phiếm: Sinh năm 1931; hy sinh ngày 18-01-1954, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số B 745<sup>k</sup> ngày 01-4-1959.  
2. Liệt sĩ Bùi Quốc Toán: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 18-10-1966, tại Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ST 146<sup>b</sup> ngày 31-12-1976.

**Mẹ VŨ THỊ TÝ**



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1989  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Nhị: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 15-10-1972, tại Cầu Đa Phúc, Phố Yên, Bắc Thái; Bằng Tổ quốc ghi công số KM 617<sup>c</sup> ngày 07-6-1973.  
2. Liệt sĩ Đoàn Văn Thắng: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 16-9-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 304<sup>b</sup> ngày 11-5-1974.



**Mẹ BÙI THỊ TỶ**



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1942  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đặng Văn Quy: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 20-7-1950, đơn vị tại ngũ C58-D648-E42; hy sinh ngày 06-9-1951, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 900<sup>b</sup> năm 1959.  
2. Liệt sĩ Đặng Văn Diệp: Sinh năm 1935; nhập ngũ ngày 08-4-1952, đơn vị tại ngũ C11-D4-E52-F320; hy sinh ngày 13-7-1952, tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1836<sup>b</sup>.

**Mẹ BÙI THỊ KHÁI**



Năm sinh: 1896; năm từ trần: 1981  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 1-2007.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Công Đàm: Sinh năm 1918; hy sinh ngày 20-10-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 395<sup>b</sup> ngày 07-10-2003.  
2. Liệt sĩ Vũ Công Hoan: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 24-2-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số XZ 1802<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.  
3. Liệt sĩ Vũ Công Tuân: Sinh năm 1924; hy sinh ngày 22-02-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 897<sup>k</sup> ngày 02-11-1959.

**Mẹ DƯƠNG THỊ TỶ**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1978  
Quê quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Ganh: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 02-3-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 457<sup>b</sup> ngày 11-8-1976.  
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Khánh: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 16-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 834<sup>b</sup>.





**Mẹ ĐÀO THỊ THẢO \***



\* Chưa xác minh được thông tin



## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HẢI TRIỀU

### Mẹ ĐÀO THỊ CHÁN



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1971  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Ngọc Thệ: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1968; đơn vị tại ngũ Đoàn 2082; hy sinh tháng 10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 990<sup>b</sup> ngày 26-11-1974.

### Mẹ CHU THỊ ĐAN



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1989  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 394 KT/CTN ngày 17-12-1994  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đình Sứ: Sinh năm 1949; hy sinh tháng 3-1968, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số AR 165<sup>b</sup> ngày 03-6-1971.

### Mẹ LÊ THỊ ĐỘ



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1977  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Tuân: Sinh năm 1928; hy sinh tháng 2-1953, tại Bốt Triều Dương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, Bằng Tổ quốc ghi công số BC 452<sup>k</sup> ngày 18-4-1972.



**Mẹ VŨ THỊ NHỊN**



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1954  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Xuân Cam: Sinh năm 1953; đơn vị tại ngũ E997-F31- Quân đoàn 3; hy sinh tháng 8-1978, tại tỉnh Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số 81 914<sup>b</sup> ngày 20-6-1979.

**Mẹ VŨ THỊ THÂM**



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1988  
Quê quán: Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đoàn Văn Thiểm; hy sinh tháng 9-1952, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 343<sup>b</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ HÝ**



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1945  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đoàn Văn Như: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 4-1965, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh tháng 6-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 946<sup>b</sup> ngày 8-10-1971.



**Mẹ VŨ THỊ MƯỜNG**



Năm sinh: 1904 ; năm từ trần: 1945  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Duy Hiền: Sinh năm 1925; hy sinh tháng 8-1950, tại xã Tây Hồ (nay là xã Lệ Xá), huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZG 265<sup>bp</sup> ngày 23-4-1957.

**Mẹ NGUYỄN THỊ PHIẾM**



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1960  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12/1994.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Văn Lâm: Sinh năm 1936; hy sinh tháng 2-1953, tại Triều Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 154<sup>k</sup> ngày 18-4-1972.  
2. Liệt sĩ Vũ Xuân Ninh: Sinh năm 1932; hy sinh tháng 4-1950, tại Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 183<sup>bp</sup> ngày 23-4-1957.  
3. Liệt sĩ Vũ Hũy Lũy: Sinh năm 1921; hy sinh tháng 7-1950, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 489 ngày 26-5-1960.

**Mẹ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1954  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Ngọc Ánh; hy sinh năm 1953, tại tỉnh Ninh Bình.



**Mẹ ĐOÀN THỊ DỆN**



Năm sinh: 1893 ; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Xuân An; hy sinh tháng tháng 6-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số YZ 459 ngày 23-4-1957.

**Mẹ NGUYỄN THỊ TƯ**



Năm sinh: 1910 ; năm từ trần: 1960  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Ngọc Căn: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 4-1963; hy sinh ngày 9-3-1973, tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 783 ngày 19-7-1973.

**Mẹ NGUYỄN THỊ THÚY**



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1946  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Luận; hy sinh tháng 5-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 204<sup>b</sup>.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ NGUYỄN THỊ CHỢ**



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1975  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đoàn Văn O; hy sinh tháng 6-1952, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HC 207 ngày 18-4-1972.  
2. Liệt sĩ Đoàn Văn Luận; hy sinh tháng 9-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 685<sup>b</sup> ngày 18-5-1974.

**Mẹ LÊ THỊ LỊCH**



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1992  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Chồng là liệt sĩ Đoàn Ngọc Phấn; hy sinh tháng 3-1951, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 210<sup>b</sup> ngày 23-4-1957.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Đoàn Văn Ngạn: Sinh năm 1935; hy sinh tháng 3-1968, tại Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 917<sup>b</sup> ngày 23-12-1969.

**Mẹ ĐOÀN THỊ NGỌ**



Năm sinh: 1887; năm từ trần: 1942  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Văn Mai; hy sinh tháng 2-1954, tại Đường 5 Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HC 182<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Vũ Ngọc Phai: Sinh năm 1921; hy sinh tháng 7-1951, tại xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ED 819<sup>kp</sup>.



**Mẹ ĐOÀN THỊ THƯỚC**



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1980  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 02 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mão: Sinh năm 1938, đơn vị tại ngũ P3; hy sinh tháng 5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 631<sup>b</sup> ngày 01-4-1977.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hồng: Sinh năm 1944; hy sinh tháng 5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 711<sup>b</sup> ngày 7-5-1974.

**Mẹ PHẠM THỊ THƯỚC**



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1987  
Quê quán: Xã Liên Phương, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 02 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhuận: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 12-1967; hy sinh ngày 10-10-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 487<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thuận: Sinh năm 1950, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 26-10-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 487<sup>b</sup>.

**Mẹ LÊ THỊ TÝ**



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1972  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 02 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Văn Năm: Sinh năm 1945; hy sinh tháng 5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 913<sup>b</sup> ngày 23-12-1969.  
2. Liệt sĩ Vũ Quang Trung: Sinh năm 1936; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh tháng 9-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OK 149<sup>b</sup> ngày 19-12-1974.



**Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1984  
Quê quán: Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Xuân Kiên: Sinh năm 1938; hy sinh năm 1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BE 540<sup>b</sup> ngày 24-6-1975.  
2. Liệt sĩ Phạm Thị Thúy Châm: Sinh năm 1942; hy sinh năm 1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 843<sup>b</sup> ngày 30-9-1969.

**Mẹ ĐOÀN THỊ NHỘNG**



Năm sinh: 1885; năm từ trần: 1933  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Chu Văn Lự; hy sinh tháng 10-1953, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4604<sup>b</sup> ngày 01-10-1959.  
2. Liệt sĩ Chu Văn Tâm; hy sinh tháng 10-1953, tại tỉnh Nam Định; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1162<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.

**Mẹ LÊ THỊ MIỆU**



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 02 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Xuân Thủy: Sinh năm 1939; đơn vị tại ngũ C18-KN; hy sinh tháng 8-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PH 142<sup>b</sup> ngày 24-6-1975.  
2. Liệt sĩ Vũ Xuân Thệ: Sinh năm 1929; hy sinh tháng 12-1950, tại tỉnh Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 844<sup>b</sup> ngày 02-12-1958.





**Mẹ ĐOÀN THỊ TIỆP**



Năm sinh: 1906 ; năm từ trần: 1966  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Chủ: Sinh năm 1925; nhập ngũ năm 1947; hy sinh năm 1950, tại tỉnh Cao Bằng; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1729<sup>b</sup> ngày 23-2-1957.  
2. Liệt sĩ Phạm Nhữ: Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1950; hy sinh năm 1950, tại tỉnh Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số ZG 283<sup>b</sup> ngày 23-11-1957.

**Mẹ ĐOÀN THỊ THỂ**



Năm sinh: 1914 ; năm từ trần: 2005  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015  
Có 02 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khang: Sinh năm 1941; hy sinh tháng 3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ED 114<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thuận; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 891<sup>d</sup>.

**Mẹ TRẦN THỊ YẾN**



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1958  
Quê quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hải triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 02 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Chu Văn Nhài: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh tháng 8-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AR 192<sup>b</sup> ngày 03-6-1971.  
2. Liệt sĩ Chu Văn Dương; đơn vị tại ngũ Đại đội 70, trung đoàn 98; hy sinh tháng 4-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số ZG 253<sup>b</sup> ngày 23-4-1957.



## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HƯNG ĐẠO

Mẹ PHẠM THỊ ĐƯỢC



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Đào: Sinh năm 1923; hy sinh năm 1950, tại tỉnh Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 975<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ KÍNH



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1955  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/QĐ-CTN ngày 17-12-1994.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Tố Oanh: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 20-02-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 617<sup>b</sup> ngày 01-9-1973.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nghiệp: Sinh năm 1953; hy sinh ngày 21-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 862<sup>b</sup> ngày 18-5-1974.

Mẹ TRẦN THỊ NGÀO



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1977  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là Nguyễn Văn Nghị: Sinh năm 1923; hy sinh ngày 23-6-1950, tại thôn Muội Sảng, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công XQ 4613<sup>b</sup> ngày 26-11-2008.



**Mẹ DƯƠNG THỊ LỄ**



Năm sinh: \*; năm tử trần: 2011  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.  
Con độc nhất là Nguyễn Văn Thứ: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 06-3-1968, tại tỉnh Thanh Hóa; Bằng Tổ quốc ghi công số MA 128<sup>b</sup> ngày 15-01-1970.

**Mẹ CHU THỊ HÓN**



Năm sinh: \*; năm tử trần: \*  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là Lê Hữu Thạnh: Sinh năm 1930; hy sinh năm 1951, tại Đường 39B; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 131<sup>b</sup>

**Mẹ NGUYỄN THỊ LỰA**



Năm sinh: 1905 ; năm tử trần: 1993  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là Trần Đức Chử: Sinh năm 1926; hy sinh năm 1950, tại thôn Dung, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1428<sup>c</sup> ngày 02-11-1959.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ NGUYỄN THỊ TRÀ**



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lưu Văn Trừu: Hy sinh năm 1950, tại thôn Dung, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1908<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.

**Mẹ NGUYỄN THỊ SÀNG**



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Bình: Sinh năm 1917; hy sinh năm 1950, tại Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 653 ngày 11-5-1957.

**Mẹ NGUYỄN THỊ KIU**



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng năm 2004.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Kỳ: Sinh năm 1916; hy sinh ngày 21-9-1953, tại thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1625<sup>k</sup>.



**Mẹ NGUYỄN THỊ LỖ**



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng năm 2004  
Con độc nhất là liệt sĩ Tạ Quang Cay: Sinh năm 1923; hy sinh năm 1950 thôn Dung, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DY 760<sup>kp</sup> ngày 28-4-1999.

**Mẹ PHẠM THỊ BẠC**



Năm sinh: 1909; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Văn Dung: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 25-6-1951, tại thôn Hậu Xá, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 404<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Vũ Xuân Lịch: Hy sinh ngày 05-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 247<sup>b</sup> ngày 02-7-1973.

**Mẹ LÊ THỊ BIÊN**



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1999  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đào Xuân Hiện: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 20-10-1966; Bằng Tổ quốc ghi công số EM 104<sup>b</sup> ngày 06-6-1968.  
2. Liệt sĩ Đào Sỹ Tiến: Sinh năm 1941; hy sinh ngày 05-5-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 230<sup>b</sup> ngày 25-5-1974.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ PHẠM THỊ GÁI**



Năm sinh: \* ; năm tử trần: \*  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ An Văn Hoàn.  
2. Liệt sĩ An Văn Huyền: Sinh năm 1930; hy sinh năm 1969; Bằng Tổ quốc ghi công số 64 226.

**Mẹ PHẠM THỊ GỘI**



Năm sinh: 1912; năm tử trần: 1988  
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Văn Phương: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1972; hy sinh năm 1973, tại Chiến trường Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số 2Q 869<sup>c</sup> ngày 08-5-1978.  
2. Liệt sĩ Trần Văn Phọt: Sinh năm 1952; nhập ngũ 1972; hy sinh ngày 09-11-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 218<sup>b</sup> ngày 29-6-1973.

**Mẹ NGUYỄN THỊ KIÊN**



Năm sinh: 1913; năm tử trần: 1985  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Thành tích của Mẹ : Huân chương kháng chiến hạng Ba.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đặng Văn Hưởng: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 24-4-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 422<sup>b</sup> ngày 02-7-1973.  
2. Liệt sĩ Đặng Văn Nội: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 02-1968; hy sinh ngày 07-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 905<sup>b</sup> ngày 13-4-1977.



**Mẹ PHẠM THỊ THÁI**



Năm sinh: 1913 ; năm tử trần: 1986  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Chồng là liệt sĩ Trần Văn Ủng: Sinh năm 1912; nhập ngũ năm 1943; hy sinh tháng 02-1950, tại thôn Dung, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GI 197<sup>km</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Trần Thanh Tùng: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 3-1967, hy sinh tháng 02-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 403<sup>b</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ THỨC**



Năm sinh: 1890; năm tử trần: 1978  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lại: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 27-4-1947, tại xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 784<sup>b</sup> ngày 02-12-1958.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bái: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 08-7-1954, tại tỉnh Vĩnh Phú; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 783<sup>b</sup> ngày 02-12-1958.

**Mẹ NGUYỄN THỊ RỄ**



Năm sinh: 1919; năm tử trần: 2002  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huy chương kháng chiến hạng Nhì.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Hữu Bao: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 10-6-1971, tại Chiến trường Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 523<sup>b</sup> ngày 01-9-1971.  
2. Liệt sĩ Lê Hữu Vây: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 21-02-1972, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 761<sup>b</sup> ngày 18-5-1974.



**Mẹ AN THỊ ĐAN**



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1952  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Nghệ: Sinh năm 1936; hy sinh ngày 17-8-1953, tại thôn Dung, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 860<sup>k</sup> ngày 02-11-1959.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Địch: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 21-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RD 980<sup>b</sup> ngày 23-6-1976.

**Mẹ TRẦN THỊ MẦU**



Năm sinh: 1918; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đỗ Đình Đắc: Hy sinh tháng 3-1966; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1430<sup>c</sup>.  
2. Liệt sĩ Đỗ Đình Đĩnh: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 05-8-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số VG 237<sup>b</sup>.

**Mẹ PHẠM THỊ MẬU**



Năm sinh: 1887; năm từ trần: 1957  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Trụ: Sinh năm 1889; hy sinh ngày 15-01-1952, tại Phố Giác, xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 149<sup>k</sup> ngày 18-4-1972.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Nguyễn Văn Kha: Sinh năm 1917; nhập ngũ năm 1948, đơn vị tại ngũ E42-KC, hy sinh ngày 10-10-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1851<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.





**Mẹ NGUYỄN THỊ NỘI**



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tôn: Sinh năm 1941; hy sinh ngày 05-3-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 606<sup>b</sup> ngày 09-7-1973.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hùng: Sinh năm 1934; hy sinh ngày 9-5-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 222<sup>b</sup> ngày 02-7-1973.

**Mẹ LƯU THỊ THẬN**



Năm sinh: 1928 ; năm từ trần: 1989  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Chồng là liệt sĩ Chu Văn Ngự: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 21-4-1953, tại xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1467<sup>c</sup> ngày 02-11-1959.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Chu Xuân Thành: Sinh năm 1951; hy sinh ngày 02-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AG 898<sup>b</sup> ngày 08-10-1971.

**Mẹ PHAN THỊ PHẤN**



Năm sinh: 1912 ; năm từ trần: 2003  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2596 KT/CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đinh Văn Dần: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 27-3-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số AS 234<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Đinh Xuân Thao; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 987<sup>b</sup> ngày 26-11-1974.



**Mẹ HOÀNG THỊ THỌ**



**Mẹ AN THỊ ĐƯỜNG \***



Năm sinh: 1884; năm từ trần: 1945  
Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2596 KT/CTN ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Ảnh: Sinh năm 1910; hy sinh năm 1951, tại thôn Dung, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 97<sup>c</sup> ngày 05-11-1959.

2. Liệt sĩ Trần Văn Ưởng: Sinh năm 1912; hy sinh năm 1950, tại thôn Dung, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GI 197<sup>km</sup>.



# BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ LỆ XÁ



**Mẹ VŨ THỊ CỐN**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 262 KT/CTN ngày 12-7-1994.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Đăng: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1950; hy sinh năm 1952, tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 2C 248<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Đoán: Sinh năm 1935; nhập ngũ năm 1964; hy sinh, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 201<sup>b</sup>.  
3. Liệt sĩ Phạm Văn Bằng: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1970; đơn vị tại ngũ Quân đoàn 2; hy sinh ngày 19-2-1971, tại Đường 9 Nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số LE 923<sup>b</sup> ngày 16-5-1974.

**Mẹ BÙI THỊ THIỀU**



Năm sinh: \* ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Mai Văn Vị: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 28-1-1951, tại xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.  
2. Liệt sĩ Mai Văn Nhạc: Sinh năm 1930; hy sinh năm 1954, tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.  
3. Liệt sĩ Mai Văn Nhã: Sinh năm 1933; nhập ngũ năm 1967; hy sinh năm 1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 271<sup>b</sup> ngày 2-4-1973.

**Mẹ NGUYỄN THỊ TỄO**



Năm sinh: \* ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 01-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tường: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 28-12-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EK 323<sup>b</sup>.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ ĐỖ THỊ HÁN**



Năm sinh: \* ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Có 3 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Đồng Văn Khuy: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 08-4-1951, tại xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.  
2. Liệt sĩ Đồng Văn Diệp: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 25-3-1951, tại xã Tây Hồ.  
3. Liệt sĩ Đồng Văn Mừng: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 3-4-1954, tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 723<sup>GL</sup>.

**Mẹ ĐỖ THỊ NGỒI**



Năm sinh: \* ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Phúc: Sinh năm 1920; hy sinh năm 1951, tại Cầu Đìa, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

**Mẹ NGUYỄN THỊ QUYẾT**



Năm sinh: \* ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Học sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1966; hy sinh tháng 2-1968, tại Tây Nguyên; Bằng Tổ quốc ghi công số UA 927<sup>h</sup>.



**Mẹ BÙI THỊ THƯ**



Năm sinh: 1920  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750-QĐ/CTN ngày 01-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Mai Văn Tuân: Sinh năm 1955; nhập ngũ năm 1972; đơn vị tại ngũ E52; hy sinh ngày 10-4-1978, tại Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số GA 817<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Mai Văn Sự: Sinh năm 1962; nhập ngũ năm 1980; hy sinh ngày 3-4-1983, tại tỉnh Lạng Sơn; Bằng Tổ quốc ghi công số E 166.

**Mẹ PHẠM THỊ SỰ**



Năm sinh: 1933  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 01-4-2014.  
Chồng là liệt sĩ Vũ Văn Phúc: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1968; hy sinh năm 1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TB 892<sup>b</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Vũ Đức Được: Sinh năm 1953; nhập ngũ năm 1970; đơn vị tại ngũ D409; hy sinh năm 1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OH 559<sup>b</sup>.

**Mẹ BÙI THỊ GIẾNG**



Năm sinh: 1895 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Bá Phô: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 29-5-1950; đơn vị tại ngũ CS-C58- D648-EQ2; hy sinh ngày 19-10-1951, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1201<sup>b</sup> ngày 1-6-1959.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Bá Biện: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 11-01-1954, tại xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 695<sup>k</sup> ngày 26-2-2002.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ LƯƠNG THỊ CHIỀU**



Năm sinh: 1914 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.  
Có 02 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thông: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ C1-D4; hy sinh ngày 1-5-1968, tại Quân Khu 4; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 251<sup>b</sup> ngày 24-2-1970.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chính: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 12-1970; đơn vị tại ngũ C6-D406-KN; hy sinh ngày 17-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KM 319<sup>c</sup> ngày 20-11-1974.

**Mẹ NGUYỄN THỊ MUỘN**



Năm sinh: 1899 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Phúc Phái: Sinh năm 1919; hy sinh ngày 09-7-1951, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 074<sup>b</sup> ngày 31-10-2008.  
2. Liệt sĩ Vũ Phúc Tồn: Sinh năm 1925; hy sinh năm 1950, tại Điện Biên; Bằng Tổ quốc ghi công số HC 183<sup>b</sup> ngày 31-10-2008.

**Mẹ DOÃN THỊ GẶP**



Năm sinh: 1912 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Chồng là liệt sĩ Vũ Phúc Hoạch: Sinh năm 1913; đơn vị tại ngũ Dân công hỏa tuyến; hy sinh ngày 14-6-1954, tại xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên ; Bằng Tổ quốc ghi công số GT 807<sup>kp</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Vũ Đăng Khoa: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ Quân khu 5; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam ; Bằng Tổ quốc ghi công số AV 886<sup>b</sup>.



**Mẹ NGUYỄN THỊ NƯỚC**



Năm sinh: 1908 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Chồng là liệt sĩ Vũ Văn Ước: Sinh năm 1909; nhập ngũ năm 1952; hy sinh năm 1954, tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XY 316<sup>b</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Vũ Văn Phúc: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1968; hy sinh năm 1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TB 892<sup>b</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ GIÁM**



Năm sinh: 1884 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Có 02 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Diệp: Sinh năm 1927; đơn vị tại ngũ E42; hy sinh năm 1951, tại xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 790 ngày 21-10-2008.  
2. Liệt sĩ Phạm Đình Cự: Sinh năm 1933; đơn vị tại ngũ E42; hy sinh năm 1954, tại huyện Kiến An, Thành phố Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 789<sup>b</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ CỔNG**



Năm sinh: 1890 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254-QĐ/CTN ngày 10-2-2015.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.  
Có 2 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Nguyễn Bá Phương: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ Quân khu Tả Ngạn; hy sinh năm 1952, tại huyện Kiến An, Thành phố Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1197<sup>b</sup> ngày 1-6-1959.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Bá Đạm: Sinh năm 1931; nhập ngũ năm 1951; hy sinh ngày 22-9-1952, tại tỉnh Thanh Hóa; Bằng Tổ quốc ghi công số X 2122<sup>b</sup> ngày 1-6-1959.



## Mẹ VŨ THỊ CHÚNG



Năm sinh: 1912 ; năm từ trần: \*

Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254-QĐ/CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Thau: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1948; hy sinh năm 1950, tại xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên ; Bằng Tổ quốc ghi công số GT 810<sup>kp</sup>.

2. Liệt sĩ Vũ Văn Đông: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1968; hy sinh năm 1971, tại Mặt trận phía Nam ; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 798<sup>b</sup>.





# BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ MINH PHƯỢNG



**Mẹ NGUYỄN THỊ BÁU**



Năm sinh: 1927; năm từ trần: 1951  
Quê quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Duy Bin: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 3-1967, đơn vị tại ngũ KN 320; hy sinh ngày 26-5-1968, tại Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 109<sup>b</sup> ngày 28-10-1975.

**Mẹ BÙI THỊ TRỤ**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1983  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đàm Ngọc Đĩnh: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 4-1966, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 15-01-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OĐ 053<sup>b</sup> ngày 03-10-1974.

**Mẹ NGUYỄN THỊ LỖN**



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2007  
Quê quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 02 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Chu Văn Nghĩa: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 7-1968, đơn vị tại ngũ PG; hy sinh ngày 20-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TB 984<sup>b</sup> ngày 30-11-1976.  
2. Liệt sĩ Chu Văn Đạo: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 7-1969; đơn vị tại ngũ D8-KNP; hy sinh ngày 08-11-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OZ 101<sup>b</sup> ngày 01-4-1975.



**Mẹ NGUYỄN THỊ NGUYÊN**



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1993  
Quê quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Trọng Chuyển: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 2-1968; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 24-05-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 376<sup>b</sup> ngày 20-4-1974.
2. Liệt sĩ Trần Trọng Xuyên: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 7-1968; đơn vị tại ngũ D5-E44- F1; hy sinh ngày 30-06-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RE 085<sup>b</sup> ngày 22-5-1976.

**Mẹ TRẦN THỊ NHẪN**



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1991  
Quê quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Tiến Dự: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1959; hy sinh ngày 29-4-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 805<sup>b</sup> ngày 08-10-1971.
2. Liệt sĩ Vũ Công Khởi: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 2-1967; hy sinh ngày 03-08-1968, tại tỉnh Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ML 994<sup>b</sup> ngày 29-6-1970.

**Mẹ NGUYỄN THỊ NHÓN**



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Chí Lân: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 3-1967; đơn vị tại ngũ NB; hy sinh ngày 03-9-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 762<sup>b</sup> ngày 07-5-1974.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mùi: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1963; hy sinh ngày 15-11-1965, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 665<sup>b</sup> ngày 24-6-1969.



**Mẹ ĐÀM THỊ NHỚN**



Năm sinh: 1917 ; năm từ trần: 2010  
Quê quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huy chương kháng chiến hạng Nhì.  
Chồng là liệt sĩ Chu Văn Chuẩn: Sinh năm 1915; nhập ngũ năm 1948; đơn vị tại ngũ du kích địa phương; hy sinh ngày 27-9-1950, tại xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GI 176<sup>kp</sup> ngày 18-11-2003.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Chu Văn Dương: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 12-1967; đơn vị tại ngũ H1-E33-KB; hy sinh ngày 15-3-1970, tại Núi Lóp, tỉnh Bình Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 292<sup>b</sup> ngày 03-7-1976.

**Mẹ ĐÀM THỊ SỬA**



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2001  
Quê quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Chí Huân: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 12-1971; đơn vị tại ngũ H2-PC; hy sinh ngày 25-5-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 221<sup>b</sup> ngày 02-7-1973.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Chí Thanh: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 6-1966; đơn vị tại ngũ CKN; hy sinh ngày 04-04-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 433<sup>b</sup> ngày 11-8-1976.

**Mẹ ĐẶNG THỊ DIÊM \***



\* Chưa xác minh được thông tin



## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NGÔ QUYỀN

Mẹ ĐOÀN THỊ TÝ



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 2013  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Trịnh: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 11-1965; đơn vị tại ngũ KT; hy sinh ngày 14-6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PE 586<sup>b</sup> ngày 24-6-1975.

Mẹ : TRẦN THỊ TUY



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1964  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lương Xuân Thận: Sinh năm 1931; nhập ngũ năm 1950; đơn vị tại ngũ du kích, tại thôn Nội Linh, xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 25-8-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 768<sup>kp</sup> ngày 01-4-1959.  
2. Liệt sĩ Lương Xuân Thi: Sinh năm 1934; nhập ngũ 1953; đơn vị tại ngũ E42; hy sinh 29-5-1954, tại Tây Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 769<sup>kp</sup> ngày 01-4-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ HƯƠNG



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1952  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 241/KT-CTN ngày 14-4-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đoàn Văn Quý: Sinh năm 1913; nhập ngũ 16-9-1950, hy sinh 24-9-1951, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1242<sup>b</sup>.



**Mẹ PHẠM THỊ LIỆP**



Năm sinh: 1932; năm tử trần: 1955  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841/QĐ-CTN ngày 24-4-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Minh Tuấn: Sinh năm 1950; nhập ngũ 1968; đơn vị tại ngũ F1; hy sinh 03-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 390<sup>b</sup> ngày 13-4-1977.

**Mẹ NGUYỄN THỊ BỚT**



Năm sinh: 1900; năm tử trần: 1983  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bán: Sinh năm 1929; nhập ngũ 1951; đơn vị tại ngũ C26; hy sinh 16-12-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1815<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Thành Lăn: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 11-1969; đơn vị tại ngũ C13KT; hy sinh 20-1-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 779<sup>b</sup> ngày 7-3-1972.

**Mẹ MAI THỊ DÍM**



Năm sinh: 1911; năm tử trần: 1984  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Ngô Xuân Cựa: Sinh năm 1931; nhập ngũ năm 1948; đơn vị tại ngũ du kích, tại địa phương; hy sinh tháng 1-1949, tại xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 702<sup>a</sup> ngày 01-4-1959.  
2. Liệt sĩ Ngô Xuân Cừ: Sinh năm 1937; nhập ngũ 1951; đơn vị tại ngũ du kích, tại địa phương; hy sinh tháng 7-1953, tại xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 701<sup>k</sup> ngày 01-4-1959.



**Mẹ MAI THỊ DÍNH**



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1998  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2222/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Dương: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 2-1962; đơn vị tại ngũ C19 KT; hy sinh ngày 5-12-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NT 602<sup>b</sup> ngày 19-12-1970.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Lê: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 5-1965; đơn vị tại ngũ RN; hy sinh ngày 15-5-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 720<sup>b</sup> ngày 03-6-1971.

**Mẹ PHẠM THỊ ĐĂNG**



Năm sinh: 1921  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Văn Quý: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 5-1968; đơn vị tại ngũ D990-BT12; hy sinh 21-3-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PM 248<sup>b</sup> ngày 8-8-1969.  
2. Liệt sĩ Trần Văn Báu: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 7-1968; hy sinh 17-12-1969, tại Mặt trận phía Tây nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số AH 082<sup>b</sup> ngày 29-4-1971.

**Mẹ ĐOÀN THỊ ĐỐI**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1991  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cồn: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 4-1962; đơn vị tại ngũ NB; hy sinh ngày 29-9-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 690<sup>b</sup> ngày 7-3-1972.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Khắc Khuê: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 7-1965; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 22-9-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LCR 397<sup>b</sup> ngày 20-4-1974.



**Mẹ NGUYỄN THỊ GỪNG**



Năm sinh: 1920  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.  
Có 02 con là liệt sĩ  
1. Liệt sĩ Bùi Đình Chiến: Sinh năm 1950; hy sinh 17-5-1986, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BO 365<sup>bt</sup> ngày 8-7-1987.  
2. Liệt sĩ Bùi Đình Sách: Sinh năm 1962; nhập ngũ ngày 24-7-1980; đơn vị tại ngũ E26; hy sinh ngày 18-4-1984, tại chiến trường Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số AS 430<sup>bt</sup> ngày 03-7-1985.

**Mẹ NGUYỄN THỊ LÙN**



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2003  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lương Ngọc Tiến: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 2-1964; đơn vị tại ngũ P2; hy sinh tháng 12-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số VT248<sup>b</sup> ngày 01-4-1977.  
2. Liệt sĩ Lương Ngọc Tiên: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 3-1967; đơn vị tại ngũ C4-D4; hy sinh tháng 3-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PM 253<sup>b</sup> ngày 8-8-1969.

**Mẹ NGUYỄN THỊ MONG**



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Tăng: Sinh năm 1910; nhập ngũ 1943; đơn vị tại ngũ Công an Hưng Yên; hy sinh ngày 15-8-1950, tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ET 642<sup>b</sup> ngày 26-2-2002.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Nguyễn Thị Nhí: Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1950; đơn vị tại ngũ du kích địa phương; hy sinh ngày 28-1-1953, tại xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ET 626<sup>kp</sup> ngày 26-02-2002.



**Mẹ NGUYỄN THỊ KHUYNH**



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1990  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tải: Sinh năm 1931; nhập ngũ năm 1951; hy sinh ngày 21-10-1952, tại xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1092<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Viết Hoàn: Sinh năm 1942; nhập ngũ 1964, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh 19-11-1964, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 736<sup>b</sup> ngày 7-3-1972.

**Mẹ NGUYỄN THỊ THÁI**



Năm sinh: 1884; năm từ trần: 1966  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Kim Đĩnh: Sinh năm 1907; hy sinh 23-5-1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐY 792<sup>b</sup> ngày 28-4-1999.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Kim Bảo: Sinh năm 1913; nhập ngũ 1948; hy sinh 24-7-1950, tại xã Ngõn Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 510<sup>b</sup> ngày 02-12-1965.

**Mẹ ĐOÀN THỊ SON**



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1974  
Quê quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Thiện Thiều: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 4-1962; đơn vị tại ngũ KP; hy sinh ngày 24-2-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 335<sup>b</sup>/CL ngày 11-5-1974.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tuyển: Sinh năm 1948; nhập ngũ 1965; đơn vị tại ngũ F1; hy sinh 06-4-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 201<sup>b</sup> ngày 15-4-1977.





**Mẹ PHẠM THỊ VIỆT**



Năm sinh: 1926; năm từ trần: 2004  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trương Công Tích: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1966, đơn vị tại ngũ D704-KP; hy sinh ngày 19-10-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OV 707<sup>b</sup> /CL ngày 11-4-1975.  
2. Liệt sĩ Trương Công Đức: Sinh năm 1950; đơn vị tại ngũ F2; hy sinh ngày 21-2-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VG 317<sup>b</sup> /CL ngày 01-4-1977.

**Mẹ LƯƠNG THỊ LEN**



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1965  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Nhiệt: Sinh năm 1948; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 13-2-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 272<sup>b</sup> ngày 02-7-1971.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Chông: Sinh năm 1959; hy sinh 1980, tại Buôn Mê Thuật; Bằng Tổ quốc ghi công số 4L 750<sup>c</sup> ngày 26-9-1980.

**Mẹ PHẠM THỊ NGẬT**



Năm sinh: 1903 ; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Thành tích của Mẹ : Huân chương kháng chiến hạng Ba.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lương Cao Ban: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ E64-F320; hy sinh ngày 01-8-1998, tại Bệnh viện Hưng Yên (chết do vết thương tái phát); Bằng Tổ quốc ghi công số HN 434<sup>vt</sup> ngày 23-4-2014.  
2. Liệt sĩ Lương Văn Bàn: Sinh năm 1928; nhập ngũ 1948; đơn vị tại ngũ bộ đội tỉnh Hưng Yên; hy sinh 25-3-1951, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1818<sup>b</sup> ngày 03-6-1959.



## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NHẬT TÂN

**Mẹ PHẠM THỊ ẢNH**



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 2004  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Có 3 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Vợi: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 1-1951; hy sinh ngày 11-10-1953, tại xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 912/KN-CTN ngày 02-11-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Trừ: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 10-1966; hy sinh ngày 04-11-1967, tại tỉnh Bình Phước; Bằng Tổ quốc ghi công số EK 335<sup>b</sup> ngày 12-4-1973.
3. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Tiểu: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 7-1968; hy sinh ngày 14-7-1972, tại tỉnh Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số 435<sup>b</sup> ngày 11-8-1976.

**Mẹ PHẠM THỊ CHỮ**



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1973  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Chử: Sinh năm 1922; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ Ty Công an Hải Phòng; hy sinh ngày 25-9-1969, tại Đà Nẵng; Bằng Tổ quốc ghi công số EM 416<sup>c</sup> ngày 08-6-1970.

**Mẹ TÔ THỊ CHAO**



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 2005  
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994  
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Mạ: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 7-1962; hy sinh tháng 01-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số AS 268<sup>b</sup> ngày 16-8-1971.



**Mẹ LƯƠNG THỊ CHUỖI**



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1985  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Hộ: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1973; hy sinh ngày 26-12-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MS 251<sup>b</sup> ngày 16-8-1971.

**Mẹ ĐÀO THỊ MỊN**



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1989  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Như Hộ: Hy sinh ngày 22-11-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 303<sup>b</sup> ngày 1-4-1977.

**Mẹ LÃ THỊ HIỆN**



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1940  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Duy Lượng: Sinh năm 1940; nhập ngũ ngày 02-6-1965; đơn vị tại ngũ E241; hy sinh ngày 07-4-1969, tại tỉnh Khăm Muội, nước Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số MA 839<sup>b</sup> ngày 06-3-1970.



**Mẹ NGUYỄN THỊ TẮC**



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1938  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/KT-CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Quốc: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 1-1950; hy sinh ngày 4-7-1952, tại xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 460<sup>k</sup> ngày 18-4-1972.

**Mẹ LƯƠNG THỊ XOAY**



Năm sinh: 1907 ; năm từ trần: 1946  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/KT-CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lương Ngọc An: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 5-1964; hy sinh ngày 10-01-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ED 109<sup>b</sup> ngày 31-3-1973.

**Mẹ HOÀNG THỊ HUẤN**



Năm sinh: 1883 ; năm từ trần : 1953  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lương Văn Nội: Sinh năm 1929; nhập ngũ tháng 8-1950; hy sinh ngày 22-4-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 770<sup>b</sup> ngày 31-5-1960.  
2. Liệt sĩ Lương Văn Ngoại: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 8-1951; hy sinh ngày 07-6-1951, tại Quán Đổ, xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.  
3. Liệt sĩ Lương Văn Mao: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 1-1959; hy sinh ngày 01-6-1970, tại tỉnh Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 473<sup>b</sup> ngày 21-2-1975.



**Mẹ BÙI THỊ DUYÊN**



Năm sinh: 1896; năm từ trần: 1949  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908/QĐ-CTN ngày 17-12-2002.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Chiêng: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1946; hy sinh ngày 4-8-1948, tại xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EH 432<sup>bp</sup> ngày 20-9-2000.

**Mẹ NGUYỄN THỊ BÌA**



Năm sinh: 1912 ; năm từ trần: 1991  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Quang Bền: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 4-1966; hy sinh ngày 11-8-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 527<sup>b</sup> ngày 01-9-1973.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Quang Minh: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 8-1971; hy sinh ngày 14-3-1975; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 803<sup>b</sup> ngày 14-1-1977.

**Mẹ TẠ THỊ CHỜ**



Năm sinh: 1908 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Mản: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 4-1965; hy sinh ngày 01-3-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 636<sup>b</sup> ngày 1-4-1977.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Chuyên: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 4-1962; hy sinh ngày 30-1-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 622<sup>b</sup>.



**Mẹ NGUYỄN THỊ ĐỐI**



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2013  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Quách Hồng Luân: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 02-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BB 484<sup>b</sup> ngày 5-4-1977.  
2. Liệt sĩ Quách Hồng Tín: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 7-1967; hy sinh ngày 30-4-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PM 736<sup>b</sup> ngày 05-4-1977.

**Mẹ NGUYỄN THỊ HẠT**



Năm sinh: 1908 ; năm từ trần : 1995  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Lai: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 6-1950; hy sinh ngày 15-8-1951, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số ZF 763<sup>b</sup> /CL ngày 23-4-1957.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Kịch: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 9-1964; hy sinh ngày 02-4-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 419<sup>b</sup>/CL ngày 11-8-1978.

**Mẹ PHẠM THỊ HOẰNG**



Năm sinh: 1895 ; năm từ trần : 1969  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Cát: Sinh năm 1929; nhập ngũ tháng 8-1950; hy sinh ngày 10-10-1953, tại thôn Cao Đông, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 1180<sup>b</sup> /CL ngày 01-6-1959.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Châm: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 04-11-1952; đơn vị tại ngũ C525-D154; hy sinh ngày 29-3-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3083<sup>b</sup> ngày 02-7-1959.



**Mẹ NGUYỄN THỊ LỘT**



Năm sinh: 1899 ; năm tử trần : 1977  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lương Văn Hường: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 8-1949; đơn vị tại ngũ Tiểu đội Bắc Giang; hy sinh ngày 10-1-1952, tại thôn Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4585<sup>b</sup> /CL ngày 01-10-1959.  
2. Liệt sĩ Lương Văn Hồng: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 1-1967; hy sinh ngày 08-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 442<sup>b</sup> ngày 6-4-1977.

**Mẹ TẠ THỊ QUẤN**



Năm sinh: 1915 ; năm tử trần: 1984  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Lập: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 2-1966; hy sinh ngày 01-02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 5B 477<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Dụng: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 07-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 581<sup>b</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ MUỐI**



Năm sinh: 1890 ; năm tử trần : 1963  
Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ :  
1. Liệt sĩ Phạm Như Lưu: Sinh năm 1910; nhập ngũ tháng 3-1950; hy sinh ngày 14-10-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1461<sup>c</sup> ngày 02-11-1953.  
2. Liệt sĩ Phạm Như Lợi: Sinh năm 1918; nhập ngũ tháng 6-1950; hy sinh ngày 40-7-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 3106<sup>b</sup> ngày 02-7-1953.



**Mẹ NGUYỄN THỊ SẬP**



Năm sinh: 1913 ; năm từ trần : 1945

Quê quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.

Có 02 con là liệt sĩ :

1. Liệt sĩ Nguyễn Khắc Tiềm: Sinh năm 1917; nhập ngũ tháng 10-1948; hy sinh ngày 31-3-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3116<sup>b</sup> ngày 02-7-1959.

2. Liệt sĩ Nguyễn Khắc Thuận: Sinh năm 1911; nhập ngũ tháng 01-1952; hy sinh ngày 10-5-1952, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 154<sup>b</sup> ngày 23-4-1957.





# BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ THIỆN PHIẾN



**Mẹ TRẦN THỊ MẶN**



Năm sinh: 1915; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Trọng Nhân: Sinh năm 1934; hy sinh ngày 6-12-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số DH 027<sup>bm</sup>.

**Mẹ ĐÀO THỊ TÁM**



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 6-2008.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Đồng: Sinh năm 1932; hy sinh tháng 3-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 401<sup>bp</sup> ngày 7-10-2003.

**Mẹ TRẦN THỊ LOAN**



Năm sinh: 1887 ; năm từ trần: 1976  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Nhân: Sinh năm 1908; hy sinh ngày 01-1-1950, tại Chợ Thi; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ1044<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Long: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 16-12-1951, tại thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1207<sup>b</sup> ngày 1-6-1959.  
3. Liệt sĩ Phạm Chấn Ninh: Hy sinh ngày 04-4-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 326<sup>bp</sup> ngày 7-10-2003.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ ĐÀO THỊ BỔNG**



Năm sinh: 1893; năm từ trần: 1976  
Quê quán: Xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ  
1. Liệt sĩ Đoàn Ngọc Thanh: Sinh năm 1932; hy sinh ngày 18-6-1966, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 316<sup>b</sup> ngày 11-5-1974.  
2. Liệt sĩ Đoàn Văn Tuyên: Sinh năm 1928; nhập ngũ ngày 7-7-1952; đơn vị tại ngũ E52 F320; hy sinh ngày 18-7-1952, tại Quán Đổ, xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 448<sup>b</sup>.

**Mẹ ĐÀO THỊ BỄ**



Năm sinh: 1930; năm từ trần: 2013  
Quê quán: Xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Toàn: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 15-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 323<sup>b</sup> ngày 5-4-1977.

**Mẹ TRẦN THỊ ĐÍCH**



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1987  
Quê quán: Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014  
Có 02 con là liệt sĩ  
1. Liệt sĩ Trần Văn Đen: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 16-10-1951, tại xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1387<sup>k</sup> ngày 01-6-1959.  
2. Liệt sĩ Trần Duy Dư: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 4-1968; đơn vị tại ngũ P3; hy sinh ngày 10-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 254<sup>b</sup> ngày 19-1-1977.



**Mẹ PHẠM THỊ CỬ**



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2005  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đào Trọng Thêm: Sinh tháng 2-1949; nhập ngũ ngày 5-4-1968; đơn vị tại ngũ Đại đội 2-đơn vị 5812-sư đoàn 325; hy sinh ngày 24-6-1969, tại huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 1373<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Đào Anh Thuận: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 08-7-1968, tại Đường 9 Nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số NM 304<sup>b</sup> ngày 16-4-1969.

**Mẹ TRẦN THỊ LỰ**



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 2005  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014  
Có 02 con là liệt sĩ  
1. Liệt sĩ Ninh Văn Liên: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 17-10-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 774<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Ninh Văn Đình: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 05-4-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 501<sup>b</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ NỞ**



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Văn Phú: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 30-12-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1004<sup>bp</sup>.  
2. Liệt sĩ Vũ Văn Bộ: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 05-4-1968, Bằng Tổ quốc ghi công số BM 333<sup>k</sup> ngày 14-6-1979.



**Mẹ PHẠM THỊ LUYẾN**



Năm sinh: 1914; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Thị Miên: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 29-9-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 391<sup>bm</sup> ngày 15-11-1976.  
2. Liệt sĩ Trần Thị Ái: Sinh năm 1954; đơn vị tại ngũ Chốt trực chiến thôn Lam Sơn; hy sinh ngày 29-9-1972, tại chốt trực chiến xã Chiến Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hải Hưng; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 388<sup>k</sup>.

**Mẹ NINH THỊ TY**



Năm sinh: 1905; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đoàn Văn Điềm: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 21-2-1953, tại Đường 39; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 257<sup>k</sup> ngày 2-7-1959.

**Mẹ NGUYỄN THỊ LIỄN**



Năm sinh: 1908; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Chung: Hy sinh ngày 06-6-1954, tại Quân khu Tả Ngạn; Bằng Tổ quốc ghi công số LC 555<sup>b</sup>.



### Mẹ ĐÀO THỊ CHÍCH



Năm sinh: 1902; năm tử trần: 1989  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Ngọc Thuận: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ KHG; hy sinh ngày 24-1-1970, tại Mặt trận phía Nam.  
2. Liệt sĩ Trần Văn Sáu: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 8-1964; đơn vị tại ngũ D71-E33-F559; hy sinh ngày 17-11-1969, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 14981<sup>b</sup>.

### Mẹ LƯƠNG THỊ CHẠY



Năm sinh: 1901; năm tử trần: \*  
Quê quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Cường: Sinh năm 1924; hy sinh năm 1952, tại xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.



\* Chưa xác minh được thông tin



## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ THỦ SỸ

**Mẹ VŨ THỊ ÁT**



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 2000  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Du Lịch: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 15-8-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 371<sup>b</sup> ngày 11-01-1977.

**Mẹ NGUYỄN THỊ CHẠNH**



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1993  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Công: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 24-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 995<sup>b</sup> ngày 29-6-1973.

**Mẹ ĐÀO THỊ TUỐC**



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1996  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Trọng Thủy: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 3-1963; hy sinh ngày 30-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 382<sup>b</sup> ngày 11-5-1974.



**Mẹ ĐÀO THỊ TỶ**



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 2004  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Mạnh Đức: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1970; hy sinh ngày 05-11-1974, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số RD 997<sup>b</sup> ngày 23-6-1976.

**Mẹ BÙI THỊ SÔNG**



Năm sinh: \* ; năm từ trần: 1951  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng vào tháng 12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Lập: Sinh năm 1942; hy sinh ngày 12-8-1970, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 244<sup>b</sup> ngày 02-7-1973.

**Mẹ NGUYỄN THỊ BỆ**



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1971  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Bùi Quang Hiệp: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 15-11-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 932<sup>b</sup> ngày 22-01-1977.  
2. Liệt sĩ Bùi Văn Quyết: Sinh năm 1951; hy sinh ngày 24-6-1966, tại nước Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 920<sup>b</sup> ngày 10-4-1968.

\* Chưa xác minh được thông tin



### Mẹ LÊU THỊ LẤN



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1993  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Đoàn: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1949, đơn vị tại ngũ du kích, tại xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 17-02-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số SQ 446<sup>k</sup> ngày 04-5-1959.

2. Liệt sĩ Vũ Ngọc Bao: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 8-1967, đơn vị tại ngũ C3-E1-K5; hy sinh ngày 17-8-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OH 521<sup>b</sup> ngày 22-11-1974.

### Mẹ ĐÀO THỊ MẾN



Năm sinh: 1931; năm từ trần: 1981  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.

Chồng là liệt sĩ Hoàng Văn Quát: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 12-01-1949, đơn vị tại ngũ 26 Sông Luộc; hy sinh ngày 12-10-1949, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2277<sup>b</sup> ngày 02-7-1959.

Có 1 con là liệt sĩ:

Liệt sĩ Hoàng Văn Hồng: Sinh năm 1947, đơn vị tại ngũ E2-FIII-P1; hy sinh ngày 15-10-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 889<sup>b</sup> ngày 22-01-1977.

### Mẹ VŨ THỊ KẾT



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1971  
Quê quán: Xã Tân Hưng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Thanh Hưng: Sinh năm 1938; nhập ngũ ngày 12-4-1962, đơn vị tại ngũ C25 Cao xạ E335; hy sinh ngày 06-8-1968, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 158<sup>b</sup> ngày 19-11-1969.

2. Liệt sĩ Hoàng Văn Bình: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 4-1965; hy sinh ngày 02-10-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 264<sup>b</sup> ngày 15-4-1977.





**Mẹ HOÀNG THỊ TÙNG**



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1960  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thiêm: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 2-1964; hy sinh ngày 12-9-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EK 365<sup>b</sup> ngày 12-4-1973.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Trại: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 15-8-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 587<sup>b</sup> ngày 13-4-1977.

**Mẹ TÔ THỊ XA**



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2004  
Quê quán: Xã Văn Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ  
1. Liệt sĩ Đoàn Đăng Giáo: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 08-01-1973, tại Đông Nam Bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số OH 607<sup>b</sup> ngày 22-11-1974.  
2. Liệt sĩ Đoàn Mạnh Ân: Sinh năm 1954; hy sinh ngày 25-01-1973, tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số HR 083<sup>b</sup> ngày 18-9-1973.

**Mẹ BÙI THỊ ĐÔN**



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1977  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huy chương kháng chiến hạng Hai.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Quang Lanh: Sinh năm 1959; nhập ngũ tháng 8-1964, đơn vị tại ngũ D51; hy sinh ngày 27-10-1969, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số AH 719<sup>b</sup> ngày 03-6-1971.



**Mẹ NGUYỄN THỊ BẾU**



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 2001  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Khuê: Sinh năm 1931; hy sinh ngày 10-4-1961, tại biên giới Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số NY 930<sup>b</sup> ngày 02-4-1962.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Nghi: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 03-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KN 880<sup>b</sup> ngày 04-01-1974.

**Mẹ NGUYỄN THỊ HẢO**



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1995  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cẩm: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 28-12-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 082<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khâm: Sinh năm 1951; hy sinh ngày 15-7-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VA 823<sup>b</sup> ngày 01-4-1977.

**Mẹ ĐÀO THỊ NUÔI**



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 5-8-1985  
Quê quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Chồng là liệt sĩ Đào Văn Quyến: Sinh năm 1919; hy sinh ngày 25-12-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1196<sup>b</sup> ngày 01-5-1959.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Đào Văn Quyền: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 02-1964, đơn vị tại ngũ C104, Tiểu đoàn 18, Đoàn 210 miền Đông Nam Bộ; hy sinh ngày 14-3-1975, tại tỉnh Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số RG 116<sup>b</sup> ngày 05-6-1976.



Mẹ NGUYỄN THỊ VÂN \*





## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ THỤY LÔI

### Mẹ NGUYỄN THỊ THUẦN



Năm sinh: 1921 ; năm tử trần: 1991  
Quê quán: Xã (nay là phường) Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.  
Thành tích của Mẹ : Huân chương độc lập.  
Con độc nhất là Nguyễn Đức Lộc: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 20-3-1973, tại Chiến trường Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số SV 876<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ ÁO



Năm sinh: 1905 ; năm tử trần: 1998  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng vào tháng 12/1994.  
Mẹ có 4 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đoàn Danh Chí: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 01-1953; đơn vị tại ngũ Đoàn 308; hy sinh ngày 29-3-1954, tại Điện Biên Phủ.  
2. Liệt sĩ Đoàn Văn Tuệ: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 2-1960; hy sinh ngày 03-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI408<sup>b</sup> ngày 05-4-1977.  
3. Liệt sĩ Đoàn Kim Trúc: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 02-1959; hy sinh năm 1968, tại Đường 9, Nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số QG 322<sup>b</sup> ngày 24-12-1975.  
4. Liệt sĩ Đoàn Văn Khánh: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 2-1960; hy sinh ngày 23-12-1972, tại tỉnh Thanh Hóa; Bằng Tổ quốc ghi công số QC 346<sup>b</sup> ngày 01-7-1973.

### Mẹ ĐOÀN THỊ TRÚNG



Năm sinh: \*; năm tử trần: \*  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522/KT-CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là Nguyễn Thế Lừng: Sinh năm 1930; hy sinh năm 1954, tại Điện Biên Phủ.



**Mẹ VŨ THỊ CHÁU**



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1995  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Đình Du: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 02-1966; hy sinh ngày 12-02-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OH 553<sup>b</sup> ngày 22-11-1974.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Đình Ba: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 02-1968, đơn vị tại ngũ D1-E27; hy sinh ngày 23-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 809<sup>p</sup> ngày 24-02-1970.

**Mẹ NGUYỄN THỊ HÍ (HÝ)**



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1973  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Phán: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1968; hy sinh ngày 19-10-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CB 607<sup>b</sup> ngày 20-5-1972.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Khánh Vạn: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 6-1968, đơn vị tại ngũ D4165-F7-KB; hy sinh ngày 14-8-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LD 942<sup>b</sup> ngày 25-5-1972.

**Mẹ ĐỖ THỊ LÝ**



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1992  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lưu Thành Ngọc: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 6-1965, đơn vị tại ngũ : NB; hy sinh ngày 20-11-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OV 758<sup>b</sup> ngày 11-4-1975.  
2. Liệt sĩ Lưu Kim Tiến: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1968; hy sinh năm 1984, tại Chùa Chuông - tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số FD 093<sup>bt</sup> ngày 08-12-1999.



**Mẹ TRƯỜNG THỊ NGHĨA**



Năm sinh: 1915 ; năm tử trần: 1979  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến chống Mỹ.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Văn Thành: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 3-1967, đơn vị tại ngũ C14-E52; hy sinh ngày 01-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PM 341<sup>b</sup> ngày 08-8-1969.  
2. Liệt sĩ Trần Văn Công: Sinh năm 1955; nhập ngũ tháng 12-1971; hy sinh ngày 25-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LE 975<sup>b</sup> ngày 16-5-1974.

**Mẹ NGUYỄN THỊ NGỘI**



Năm sinh: 1900; năm tử trần: 1988  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Chúc: Sinh năm 1919; nhập ngũ tháng 3-1951; hy sinh ngày 26-01-1951, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HE/CP 412<sup>k</sup> ngày 09-12-1964.  
2. Liệt sĩ Phạm Quang Định: Sinh năm 1935; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 27-11-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RP 991<sup>b</sup>/CL ngày 23-6-1976.

**Mẹ NGÔ THỊ TRAI**



Năm sinh: 1921 ; năm tử trần: 2004  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Bùi Văn Thịnh: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 8-1966; hy sinh ngày 26-9-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 733<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Bùi Văn Vượng: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 4-1968; hy sinh tháng 3-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VK 223<sup>b</sup>.



**Mẹ VŨ THỊ TÝ**



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1976  
Quê quán: Xã Thụy Lôì, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôì, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Ngô Văn Ngọc: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1950; hy sinh ngày 04-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CB582<sup>b</sup> ngày 20-5-1972.  
2. Liệt sĩ Ngô Văn Động: Sinh năm 1935; nhập ngũ năm 1952; hy sinh ngày 01-3-1953, tại xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XY 758<sup>b</sup> ngày 10-10-1957.

**Mẹ NGUYỄN THỊ TỎ**



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 2013  
Quê quán: Xã Thụy Lôì, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôì, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Mạnh Tường: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 02-1960; hy sinh ngày 21-12-1969, tại Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.  
2. Liệt sĩ Vũ Văn Côi: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 4-1968; hy sinh ngày 25-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 688<sup>b</sup>/CL.

**Mẹ NGUYỄN THỊ CỖN**



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1960  
Quê quán: Xã Thụy Lôì, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôì, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Chí Tâm: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 02-1960, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 15-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 318<sup>b</sup> ngày 22-4-1974.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Tuấn Thanh: Sinh tháng 10-1949, đơn vị tại ngũ F320-P2; hy sinh ngày 05-01-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OY 629<sup>b</sup> ngày 05-4-1977.



**Mẹ NGUYỄN THỊ LỰA**



Năm sinh: 1898 ; năm tử trần: \*  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phạm Văn Thảo: Sinh năm 1951; hy sinh tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 410<sup>kp</sup>/CL ngày 19-12-1964.  
2. Liệt sĩ Phạm Văn Đống: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 8-1950; hy sinh tháng 6-1952, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 472<sup>b</sup>.

**Mẹ BÙI THỊ BÉ**



Năm sinh: 1902 ; năm tử trần: \*  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phùng Trọng Tuất: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 11-1950; hy sinh tháng 9-1953, tại Sông Luộc, tỉnh Hưng Yên.  
2. Liệt sĩ Phùng Trọng Nhị: Đơn vị tại ngũ C H9-D798-E66; hy sinh ngày 09-01-1957, tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số HC 215<sup>b</sup>.

**Mẹ BÙI THỊ NHẢ**



Năm sinh: 1893; năm tử trần: 1976  
Quê quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Biểu: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 2-1951, đơn vị tại ngũ Đoàn 42; hy sinh năm 1952, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HC 201<sup>b</sup> ngày 18-4-1972.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Đăng Nhân: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 8-1959; hy sinh ngày 27-8-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 739<sup>k</sup> ngày 02-7-1959.





## Mẹ TRỊNH THỊ CHÁU



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1985

Quê quán: Xã Thụy Lôì, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Thụy Lôì, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Bùi Đức Tín: Sinh năm 1944, đơn vị tại ngũ C3-D30-K5; hy sinh ngày 16-6-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI466<sup>b</sup> ngày 26-12-1973.

2. Liệt sĩ Bùi Văn Hùng: Sinh năm 1950, đơn vị tại ngũ C1-D1-E38-F7-KB; hy sinh ngày 05-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 733<sup>b</sup>.





## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ TRUNG DŨNG

**Mẹ BÙI THỊ NHỚN**



Năm sinh: 1904 ; năm từ trần: 1977  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Hỷ: Nhập ngũ năm 1946, đơn vị tại ngũ : Du kích xã Tây Hồ (nay là xã Lệ Xá); hy sinh ngày 08-08-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1438<sup>c</sup>.

**Mẹ BÙI THỊ PHIÊN**



Năm sinh: 1901 ; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Khuyến: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 2-1951; hy sinh năm 1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 842<sup>k</sup>.

**Mẹ NGUYỄN THỊ CÂU**



Năm sinh: 1912 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 523/KT-CTN ngày 28-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Quắc: Sinh năm 1918; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ F308; hy sinh ngày 17-2-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 234<sup>bp</sup> ngày 07-10-2003.



**Mẹ NGUYỄN THỊ KHUÊ**



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1959  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Như Lạc: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ Chiến sĩ KR; hy sinh ngày 27-8-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số PT 421<sup>b</sup> ngày 28-8-1975.

**Mẹ NGUYỄN THỊ KHIẾM**



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1984  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Thịnh: Sinh năm 1923; nhập ngũ năm 1947, đơn vị tại ngũ : Ty Công an Hưng Yên; hy sinh ngày 15-10-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 168<sup>c</sup>/CL ngày 05-1-1959.

**Mẹ ĐOÀN THỊ ĐÀM**



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1983  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Lâm: Sinh năm 1949, đơn vị tại ngũ : D4-F1-KH5; hy sinh ngày 22-3-1975, tại Phú Lộc, Thừa Thiên; Bằng Tổ quốc ghi công số QB 066<sup>b</sup> ngày 17-11-1975.



**Mẹ NGUYỄN THỊ TÍN**



Năm sinh: 1911 ; năm từ trần: 1973  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 20-12-2000.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Hải: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 9-7-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 420<sup>k</sup> ngày 19-12-1964.

**Mẹ NGUYỄN THỊ HÓN**



Năm sinh: 1907 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908/QĐ-CTN ngày 17-12-2002.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đoàn Ngọc Ngoãn: Sinh năm 1910; nhập ngũ năm 1949; đơn vị tại ngũ Du kích xã Tây Hồ (nay là xã Lệ Xá); hy sinh tháng 11-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 292<sup>bl</sup> tháng 9-1959.

**Mẹ VŨ THỊ NHÓN**



Năm sinh: 1920 ; năm từ trần: 1993  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ  
1. Liệt sĩ Bùi Quang Khởi: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 02-1961; hy sinh ngày 23-4-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số Va 907<sup>b</sup> ngày 01-4-1977.  
2. Liệt sĩ Bùi Quang Sải: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 2-1971; hy sinh ngày 18-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 788<sup>b</sup> ngày 20-2-1974.



**Mẹ NGÔ THỊ BÁCH**



Năm sinh: 1901; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Chanh: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1946, đơn vị tại ngũ : Sở Công an Hà Nội; hy sinh ngày 1-9-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 105<sup>c</sup> ngày 05-1-1959.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Vênh: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1950; hy sinh ngày 29-3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3125<sup>b</sup>/CL.

**Mẹ BÙI THỊ VIỄN**



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1983  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Thế Cừ: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 8-1964; hy sinh ngày 28-8-1969, tại D2-BT-37; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 840<sup>b</sup> ngày 30-12-1970.  
2. Liệt sĩ Lê Thế Cự: Bằng Tổ quốc ghi công số G3 1060.

**Mẹ BÙI THỊ HUYỀN**



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1974  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Bùi Quang Thung: Nhập ngũ ngày 07-11-1947, đơn vị tại ngũ : C41 E64 F320; hy sinh ngày 10-12-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 842<sup>b</sup> ngày 2-12-1958.  
2. Liệt sĩ Bùi Quang Thịnh: Nhập ngũ năm 1947, đơn vị tại ngũ : Du kích xã Tây Hồ (nay là xã Lệ Xá); hy sinh ngày 23-12-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 903<sup>k</sup> ngày 23-1-1965.

\* Chưa xác minh được thông tin



**Mẹ PHẠM THỊ MỄ**



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1940  
Quê quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Liêm: Sinh năm 1918; nhập ngũ năm 1949; đơn vị tại ngũ Quân khu Tả Ngạn; hy sinh ngày 28-10-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 158<sup>bp</sup> ngày 07-10-2013.

**Mẹ ĐOÀN THỊ HÁI**



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1961  
Quê quán: Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tân: Sinh năm 1924; hy sinh ngày 27-01-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 338<sup>b</sup>.

